

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN

-----❁*❁-----

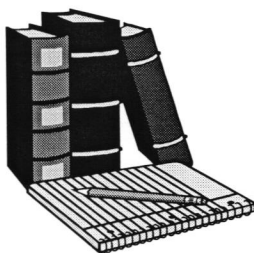


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----❁*❁-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2021

-----❁*❁-----



Nơi nhận:

Bình Định, ngày 29 tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	2-5
3. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7-8
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9-33

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		273.345.736.196	246.016.748.809
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	64.154.190.512	22.982.970.994
1. Tiền	111		63.354.190.512	22.982.970.994
2. Các khoản tương đương tiền	112		800.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.100.000.000	27.714.908.950
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V. 2	27.100.000.000	27.714.908.950
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		119.893.265.210	104.978.724.212
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 3	47.468.975.854	33.790.350.650
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V. 4	20.948.748.148	19.545.885.042
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		45.865.000.000	39.365.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 5	14.174.300.841	20.841.248.153
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V. 7	(8.563.759.633)	(8.563.759.633)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V. 6	58.639.623.196	87.901.585.571
1. Hàng tồn kho	141		58.639.623.196	87.901.585.571
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.558.657.278	2.438.559.082
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 12	2.504.556.869	677.589.483
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		932.522.358	1.648.100.831
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 16	121.578.051	112.868.768
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		306.273.223.222	311.127.705.136
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		214.809.000	214.809.000
1, Phải thu dài hạn khác	216		214.809.000	214.809.000
II. Tài sản cố định	220		85.452.910.338	87.296.698.362
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 9	71.675.949.725	73.422.397.366
<i>Nguyên giá</i>	222		181.950.075.993	180.829.695.993
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(110.274.126.268)	(107.407.298.627)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V. 10	13.776.960.613	13.874.300.996
<i>Nguyên giá</i>	228		16.970.834.944	16.970.834.944
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.193.874.331)	(3.096.533.948)
III. Bất động sản đầu tư	230	V. 11	38.282.705.482	39.074.491.828
<i>Nguyên giá</i>	231		86.217.487.253	86.217.487.253
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(47.934.781.771)	(47.142.995.425)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.481.303.807	7.328.432.038
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V. 8	6.496.018.087	5.223.006.318
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V. 8	985.285.720	2.105.425.720
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		162.920.664.624	162.920.664.624
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V. 2	156.352.950.601	156.352.950.601
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V. 2	7.451.619.996	7.451.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(883.905.973)	(883.905.973)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.920.829.971	14.292.609.284
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 12	10.706.771.461	12.881.130.423
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.095.466.883	1.174.295.607
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		118.591.627	237.183.254
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		579.618.959.418	557.144.453.945

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		211.681.333.544	189.725.350.661
I. Nợ ngắn hạn	310		125.973.789.805	105.477.917.379
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 14	22.515.948.321	20.417.769.694
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V. 15	123.789.712	5.388.787.398
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 16	2.106.159.789	2.545.353.567
4. Phải trả người lao động	314		8.148.104.130	5.766.267.239
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 17	4.906.958.993	1.104.521.245
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V. 20a	3.994.841.997	4.952.483.265
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 18	1.627.087.717	1.471.416.928
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V. 13	82.122.817.892	62.858.786.143
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		35.083.832	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 19	392.997.422	972.531.900
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		85.707.543.739	84.247.433.282
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V. 20b	79.845.822.027	77.451.211.570
7. Phải trả dài hạn khác	337		4.928.880.712	4.928.380.712
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V. 13	932.841.000	1.867.841.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

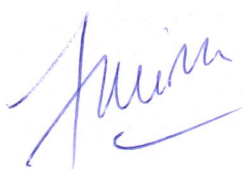
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		367.937.625.874	367.419.103.284
I. Vốn chủ sở hữu	410		367.937.625.874	367.419.103.284
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 21	275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V. 21	15.900.677.611	15.900.677.611
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 21	12.703.335.540	12.703.335.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 21	36.345.273.606	35.722.579.795
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.728.870.128	9.382.873.007
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.616.403.478	26.339.706.788
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V. 22	27.988.339.117	28.092.510.338
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		579.618.959.418	557.144.453.945

Bình Định, ngày 29 tháng 04 năm 2021



Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Mẫu B 02 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2021 -> 31/03/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		156.465.667.229	207.917.193.252	156.465.667.229	207.917.193.252
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 1	156.465.667.229	207.917.193.252	156.465.667.229	207.917.193.252
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	139.043.025.224	183.234.812.991	139.043.025.224	183.234.812.991
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.422.642.005	24.682.380.261	17.422.642.005	24.682.380.261
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	1.151.469.610	1.620.008.536	1.151.469.610	1.620.008.536
7. Chi phí tài chính	22	VI. 4	1.019.226.483	4.014.291.266	1.019.226.483	4.014.291.266
Trong đó: chi phí lãi vay	23		897.312.688	1.341.392.899	897.312.688	1.341.392.899
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	VI. 7	-	554.138.636	-	554.138.636
9. Chi phí bán hàng	25		8.407.583.342	11.593.319.904	8.407.583.342	11.593.319.904
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5.657.388.771	4.888.393.235	5.657.388.771	4.888.393.235
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.489.913.019	6.360.523.028	3.489.913.019	6.360.523.028
12. Thu nhập khác	31	VI. 5	294.027.165	978.327.017	294.027.165	978.327.017
13. Chi phí khác	32	VI. 6	129.612.849	1.151.416.402	129.612.849	1.151.416.402
14. Lợi nhuận khác	40		164.414.316	(173.089.385)	164.414.316	(173.089.385)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.654.327.335	6.187.433.643	3.654.327.335	6.187.433.643
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 8	872.269.021	1.082.231.087	872.269.021	1.082.231.087
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		78.828.724	-	78.828.724	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.703.229.590	5.105.202.556	2.703.229.590	5.105.202.556
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61	VI. 9	86.826.112	1.116.010.276	86.826.112	1.116.010.276
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông cty mẹ	62		2.616.403.478	3.989.192.280	2.616.403.478	3.989.192.280
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 10	95	145	95	145

Bình Định, ngày 29 tháng 04 năm 2021

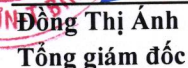


Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng




Đông Thị Ánh
Tổng giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Mẫu B 03 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

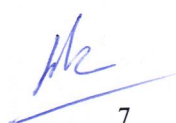
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2021 -> 31/03/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.654.327.335	6.187.433.643
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VII. 1	3.755.954.370	3.905.377.549
- Các khoản dự phòng	03		-	(1.126.382.333)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		51.362.980	191.751.631
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII. 2	(961.809.788)	289.755.421
- Chi phí lãi vay	06		897.312.688	1.341.392.899
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.397.147.585	10.789.328.810
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.735.753.541)	(9.874.701.162)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		28.780.349.746	33.241.416.737
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, Thuế TNDN phải nộp)	11		3.801.428.473	333.408.197
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		465.983.203	205.882.186
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(910.217.267)	(1.360.556.139)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(999.722.535)	(2.605.911.807)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		840.000	11.930.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.765.081.478)	(4.506.755.968)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.034.974.186	26.234.040.854
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(749.724.595)	(54.225.876)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(31.800.000.000)	(24.226.978.712)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.914.908.950	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.495.678.386	7.731.118.185
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		860.862.741	(13.050.086.403)



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

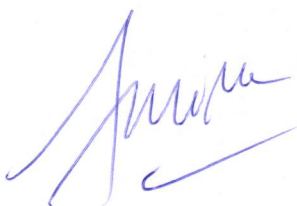
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII. 3	77.231.525.044	107.826.075.267
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII. 4	(58.992.026.150)	(121.406.615.282)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và CĐTS	36		-	(2.819.950.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		18.239.498.894	(16.400.490.015)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		41.135.335.821	(3.216.535.564)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.982.970.994	28.704.762.762
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			35.883.697	6.888.191
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		64.154.190.512	25.495.115.389

Bình Định, ngày 29 tháng 04 năm 2021

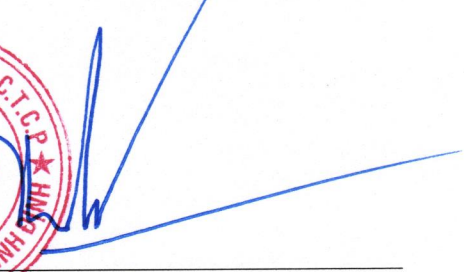


Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng




Đồng Thị Ánh
Tổng Giám đốc

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2021 -> 31/03/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức vốn chủ sở hữu: Công ty cổ phần

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt là PISICO) tiền thân là Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Bình Định là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 01/9/2010.

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng công ty Sản Xuất Đầu tư Dịch Vụ XNK Bình Định thành Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.

Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 3 đến lần đăng ký thay đổi lần thứ 7 là 275.000.000.000 đồng, được chia thành 27.500.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.

Trụ sở chính của PISICO đặt tại 99 Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Chế biến lâm sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và khai thác lâm sản khác; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh truyền hình cáp; Kinh doanh dịch vụ cảng biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, bảo quản hàng hóa; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

	Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ theo GPKD	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
a. Công ty con					
	Công ty CP DV PT Hạ tầng P.B.C	Phường Nhơn Bình, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	70,83%	70,83%
	Cty TNHH MTV truyền hình Cấp Quy Nhơn	198 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn	10.000.000.000	100%	100,00%
	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn.	24.500.000.000	51%	51,00%
	Công ty TNHH MTV HR PISICO	99 Tây sơn, P. Ghềnh Ráng Tp.Quy Nhơn.	5.000.000.000	100%	100,00%
	Công ty CP Pisico Đắc Lắc	25 An Dương Vương, TT M-Đrắk, H.M'Đrắk, Tỉnh Đắc Lắc	15.000.000.000	75,87%	75,87%
b. Công ty liên doanh, liên kết					
	Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	99 Tây Sơn, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	180.000.000.000	50%	50,00%
	Công ty CP chế biến gỗ Nội Thất PISICO	Lô C6-C7, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	22.500.000.000	40,01%	40,01%
	Công ty CP PISICO Hà Thanh	Cụm Công nghiệp Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	23.800.000.000	44,97%	44,97%
	Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định (Gián tiếp)	Đường Tây Sơn, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	9.000.000.000	22,95%	45,00%

c. Các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty:**► Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico**

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

► Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

► Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của PISICO bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)



III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và các công ty con cho cùng giai đoạn tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của Chủ sở hữu của công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tỷ giá được chọn để áp dụng trong kế toán: tỷ giá được niêm yết tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định.

Các báo cáo tài chính có đồng tiền kế toán không phải là Việt Nam đồng được chuyển đổi sang Việt Nam đồng phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình chuyển đổi Bảng Cân đối kế toán được trình bày tại khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Một Công ty được xác định là công ty liên kết khi Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết không được phân bổ và được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản phải thu được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên thời gian thu hồi còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà có bằng chứng cho thấy người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho, các chi phí thu mua (nếu có), các chi phí gia công sản xuất (nếu có)... để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm phát sinh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành, và khi có bằng chứng cho thấy giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	3 - 15 năm
Tài sản khác	4 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao theo quy định hiện hành. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 4 năm.

Bất động sản đầu tư

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ, khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

8. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 3 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả phản ánh các khoản nợ mà Tổng Công ty phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm các khoản phải trả cho người bán, cho Nhà nước, cho công nhân viên và các khoản phải trả khác.

Nợ phải trả được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên thời gian thanh toán còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản khác như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.....

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

14. Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN áp dụng trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ thuế hoặc được khấu trừ ở các năm khác (bao gồm cả số lỗ mang sang, nếu

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính dựa trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất, và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó phát sinh liên quan đến khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp, và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/03/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Tiền mặt tại quỹ	3.258.867.160	3.181.244.641
Tiền gửi ngân hàng	60.095.323.352	19.801.726.353
Các khoản tương đương tiền	800.000.000	-
Cộng	<u>64.154.190.512</u>	<u>22.982.970.994</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Tại ngày 31/03/2021</u>		<u>Tại ngày 01/01/2021</u>	
	Giá gốc	GT ghi sổ	Giá gốc	GT ghi sổ
a1. Ngắn hạn	27.100.000.000	-	27.714.908.950	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	27.100.000.000	-	27.714.908.950	-
a2. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	27.100.000.000	-	27.714.908.950	-



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b. Đầu tư tài chính dài hạn****b1. Đầu tư vào đơn vị khác**

	Tại ngày 31/03/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản Pisico Quảng Nam	22.750	3.776.950.866	22.750	3.776.950.866
Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Định	355.810	3.639.669.130	355.810	3.639.669.130
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex)	3.000	35.000.000	3.000	35.000.000
Cộng		7.451.619.996		7.451.619.996

Thông tin về Công ty đầu tư dài hạn tại ngày 31/03/2021 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty CP Chế biến tinh bột sắn	Thôn Hữu Lộc, Mỹ Hiệp, Huyện Phù Mỹ, Bình Định	28.000.000.000	12,71%
Công ty CP CB LS PISICO Quảng Nam	Tam Nghĩa, Núi Thành, Quảng Nam	12.000.000.000	18,96%

*** Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	31/03/2021	01/01/2021
- Công ty CP Chế biến tinh bột sắn XK Bình Định	883.905.973	883.905.973
Cộng	883.905.973	883.905.973

b2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Công ty CP chế biến gỗ Pisico Đồng An	Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty CP chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty CP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	Công ty TNHH SX Đảm gỗ BD (Gián tiếp)	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2020	9.772.806.263	8.849.085.331	13.650.907.095	121.728.191.067	5.867.887.721	18.212.187.732	178.081.065.209
Phần lãi / lỗ trong công ty liên kết ứng với phần tỷ lệ sở hữu		2.283.936.816	7.473.617.407	(2.947.852.834)		16.785.807	6.826.487.196
Cổ tức nhận trong kỳ		(2.029.032.000)	(3.151.050.000)			(1.396.380.870)	(6.576.462.870)
Các khoản tăng / giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết		(359.757.311)	(345.244.373)	(3.466.948.185)		(347.631.766)	(4.519.581.635)
CLTG trên bảng CDKT ứng với tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2020				(4.031.395.464)		(34.947.851)	(4.066.343.315)
Thanh lý khoản đầu tư	(9.772.806.263)				(5.867.887.721)		(15.640.693.984)
Góp góp bổ sung tăng vốn điều lệ		2.248.480.000					2.248.480.000
Tại ngày 31/12/2020	-	10.992.712.836	17.628.230.129	111.281.994.584	-	16.450.013.052	156.352.950.601
Tại ngày 31/03/2021	-	10.992.712.836	17.628.230.129	111.281.994.584	-	16.450.013.052	156.352.950.601

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

3. Phải thu của khách hàng

	<u>31/03/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
a. Tổng Công ty PISICO	33.368.680.254	26.099.359.428
Công ty TNHH TM Ánh Vy	5.857.090.013	6.662.872.502
AGRA VIS RAIFFEISEN		2.143.139.544
EUROMATE GMBH	844.394.652	2.177.707.247
LANDI SCHWEIZ AG	-	863.019.535
OBI	4.868.859.674	3.842.217.269
CTY CỔ PHẦN PISICO - HÀ THANH	437.701.946	4.204.720.346
Công ty TNHH Trồng rừng Quy Nhơn	10.859.354.396	-
CTY CP GỖ ĐẠI PHÚC	960.662.430	960.662.430
CTY CP ĐT QTẾ & XNK DHT	1.234.765.247	1.234.765.247
CTY TNHH VẠN ĐẠI	1.915.861.472	1.915.861.472
CTY TNHH TM DV VÂN NGUYỄN	486.167.282	486.167.282
Khách hàng khác	5.903.823.142	1.608.226.554
b. Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	6.688.968.709	7.203.733.060
DNTN Phú Lợi	2.135.336.772	2.135.336.772
Cty TNHH TM Phú Mỹ	-	96.539.720
Cty CP Sản xuất XNK Tân Việt	1.076.099.886	1.076.099.886
Công ty TNHH TM Ánh Việt	781.171.063	781.171.063
Khách hàng khác	2.696.360.988	3.114.585.619
c. Cty TNHH MTV Truyền Hình cáp QN	91.258.162	91.258.162
Cty TNHH mua sắm tại nhà VTV-Hyundai	33.650.000	33.650.000
Khách hàng khác	57.608.162	57.608.162
d. Cty TNHH Nguyên liệu giấy QN	7.320.068.729	396.000.000
Cty TNHH SX Dăm gỗ Bình Định	7.015.548.540	
Công ty TNHH MTV Hậu Minh	-	396.000.000
Cty TNHH Trồng rừng QN	9.919.008	
International WC CP PTE LTD	294.601.181	-
Cộng	<u>47.468.975.854</u>	<u>33.790.350.650</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/03/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
a. Tổng Công ty PISICO	18.252.278.566	16.652.735.860
Công ty TNHH TM Ánh Việt	14.300.000.000	14.300.000.000
CTY TNHH LÂM NGHIỆP QUỲNH NHÂN	113.193.715	
CTY TNHH LÂM SẢN PHƯƠNG NAM	105.758.387	
CTY TNHH SXTM & DV ĐỨC THỊNH	467.390.000	
CTCP TƯ VẤN TK XD PHƯƠNG VIỆT	1.697.790.000	1.697.790.000
Khách hàng khác	1.568.146.464	654.945.860
b. Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	62.537.000	62.537.000
Công ty TNHH Kiểm toán FAC-CN Nha Trang	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật & MT Trung Việt	42.537.000	42.537.000
c. Cty TNHH MTV Truyền Hình cáp QN	330.000.000	-
Công ty TNHH CHU TAM	330.000.000	
d. Cty TNHH Nguyên liệu giấy QN	2.303.932.582	2.830.612.182

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/03/2021	01/01/2021
Trần Thanh Tâm	794.305.450	794.305.450
Đặng Ngọc Sơn	741.390.900	741.390.900
Cty TNHH MTV Huỳnh Hồng Nga	40.000.000	440.000.000
Khách hàng khác	728.236.232	854.915.832
Cộng	20.948.748.148	19.545.885.042
5. Phải thu khác		
	31/03/2021	01/01/2021
- Ngắn hạn	14.174.300.841	20.841.248.153
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của các đơn vị thuê đất	7.508.529	7.508.529
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	44.415.095	43.642.464
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng + Lãi ứng vốn	13.232.877	275.349.038
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	3.590.760.273	3.590.760.273
Công ty TNHH TM Ánh Việt	2.402.702.737	2.173.510.957
Công ty TNHH TM Ánh Vy	2.719.176.665	2.146.929.985
Công ty CP KD CNN Bình Định	1.251.566.417	1.159.661.796
Công ty CP Tinh bột sắn XK Bình Định	1.033.203.572	1.033.203.572
Tạm ứng CBCNV	1.788.771.821	1.677.868.321
Cổ tức được chia	-	7.165.095.518
Tiền thuê đất thô phải thu của các DN	197.420.685	197.420.685
Ký quỹ	1.095.263.515	1.345.069.485
Các khoản khác	30.278.655	25.227.530
- Dài hạn	214.809.000	214.809.000
Ký quỹ thực hiện dự án Đắc Lắc	214.809.000	214.809.000
Cộng	14.389.109.841	21.056.057.153
6. Hàng tồn kho		
	31/03/2021	01/01/2021
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	13.150.460.042	14.117.943.668
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.902.445.200	1.824.233.848
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.396.581.566	39.567.533.021
Thành phẩm tồn kho	14.727.863.698	28.933.170.605
Hàng hóa bất động sản	3.462.272.690	3.458.704.429
Cộng	58.639.623.196	87.901.585.571
7. Dự phòng phải thu khó đòi		
	31/03/2021	01/01/2021
Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn	8.563.759.633	8.563.759.633
Cộng	8.563.759.633	8.563.759.633

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

* Chi tiết:

Tại ngày 31/03/2021			Tại ngày 01/01/2021		
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
6.439.267.252	-	Trên 3 năm	6.439.267.252	-	Trên 3 năm
632.633.483	189.790.045	Từ 2-3 năm	632.633.483	189.790.045	Từ 2-3 năm
1.735.352.921	867.676.458	Từ 1-2 năm	1.735.352.921	867.676.458	Từ 1-2 năm
2.713.241.595	1.899.269.115	Từ 6 tháng - 1 năm	2.713.241.595	1.899.269.115	Từ 6 tháng - 1 năm
11.520.495.251	2.956.735.618		11.520.495.251	2.956.735.618	

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/03/2021	01/01/2021
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	6.496.018.087	5.223.006.318
- CP Trồng Rừng kinh tế	5.468.429.129	4.986.816.500
- CP Dự án NOXH	1.027.588.958	236.189.818
b. Xây dựng cơ bản dở dang	985.285.720	2.105.425.720
- Chi mua sắm TSCĐ	-	1.120.380.000
- Chi xây dựng các hạng mục tại Cụm công nghiệp Canh Vinh	573.966.370	573.966.370
- Chi xây dựng cơ bản dở dang khác	411.319.350	411.079.350
Cộng	7.481.303.807	7.328.432.038

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2021	79.936.362.563	83.245.359.098	15.134.812.399	1.457.678.251	1.055.483.682	180.829.695.993
Đầu tư mới	-	1.120.380.000	-	-	-	1.120.380.000
Thanh lý	-	-	-	-	-	0
Tại 31/03/2021	79.936.362.563	84.365.739.098	15.134.812.399	1.457.678.251	1.055.483.682	181.950.075.993
Hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2021	39.008.658.745	56.523.948.814	9.552.435.348	1.324.596.126	997.659.594	107.407.298.627
Trích khấu hao	875.986.683	1.696.735.833	249.271.343	31.351.479	13.482.303	2.866.827.641
Tại 31/03/2021	39.884.645.428	58.220.684.647	9.801.706.691	1.355.947.605	1.011.141.897	110.274.126.268
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2021	40.927.703.818	26.721.410.284	5.582.377.051	133.082.125	57.824.088	73.422.397.366
Tại 31/03/2021	40.051.717.135	26.145.054.451	5.333.105.708	101.730.646	44.341.785	71.675.949.725

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất + CP GPMB	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2021	3.309.570.944	13.607.264.000	54.000.000	16.970.834.944
Tại ngày 31/03/2021	3.309.570.944	13.607.264.000	54.000.000	16.970.834.944

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất + CP GPMB	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2021	645.771.020	2.396.762.928	54.000.000	3.096.533.948
Trích khấu hao	20.180.311	77.160.072	-	97.340.383
Tại ngày 31/03/2021	665.951.331	2.473.923.000	54.000.000	3.193.874.331
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2021	2.663.799.924	11.210.501.072	-	13.874.300.996
Tại ngày 31/03/2021	2.643.619.613	11.133.341.000	-	13.776.960.613

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Cát Nhơn + C.Vinh	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	38.635.719.983	47.581.767.270	86.217.487.253
Đầu tư mới	-	-	-
Phát sinh giảm	-	-	0
Tại ngày 31/03/2021	38.635.719.983	47.581.767.270	86.217.487.253
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	37.145.899.365	9.997.096.060	47.142.995.425
Trích khấu hao	617.603.261	174.183.085	791.786.346
Tại ngày 31/03/2021	37.763.502.626	10.171.279.145	47.934.781.771
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	1.489.820.618	37.584.671.210	39.074.491.828
Tại ngày 31/03/2021	872.217.357	37.410.488.125	38.282.705.482

Bất động sản đầu tư bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật tại Cụm công nghiệp Nhơn Bình (thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định), Cụm công nghiệp Cát Nhơn (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định) và Cụm công nghiệp Canh Vinh (xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định) đang cho bên thứ 3 thuê.

12. Chi phí trả trước

	31/03/2021	01/01/2021
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.504.556.869	677.589.483
Chi phí trả trước dài hạn	10.706.771.461	12.881.130.423
Cộng	13.211.328.330	13.558.719.906

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Vay và nợ thuê tài chính**

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	CLTG cuối kỳ	Tại ngày 31/03/2021
VCB Quy Nhơn	62.858.786.143	77.231.525.044	58.057.026.150	89.532.855	82.122.817.892
Vay Việt Nam Đồng	47.024.635.324	63.400.027.661	55.663.634.650	-	54.761.028.335
Vay Đô - la Mỹ	12.479.150.819	13.831.497.383	2.277.391.500	89.532.855	24.122.789.557
Vay dài hạn đến hạn trả	3.355.000.000	0	116.000.000	-	3.239.000.000
THC	3.115.000.000				3.115.000.000
NLG	240.000.000		116.000.000		124.000.000
Cộng	62.858.786.143	77.231.525.044	58.057.026.150	89.532.855	82.122.817.892

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Điều chỉnh trong kỳ	Tại ngày 31/03/2021
A. Vay dài hạn	1.867.841.000	0	935.000.000	-	932.841.000
VCB Quy Nhơn	1.867.841.000	0	935.000.000	-	932.841.000
Vay Việt Nam Đồng	1.867.841.000	0	935.000.000	-	932.841.000
Cộng	1.867.841.000	0	935.000.000	-	932.841.000

14. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/03/2021	01/01/2021
a. Tổng Công ty PISICO	10.451.390.589	11.246.443.488
Công ty TNHH DV TM Tâm Như	429.230.095	-
Công ty TNHH MTV Hậu Minh	772.306.676	1.205.864.820
Cty TNHH DV Danh Thắng	919.240.134	-
DNTN Thiệu Phú	680.985.877	-
Công ty TNHH Đức Thành	474.368.206	902.862.475
CTY TNHH SX TM TÂN HOÀNG TRANG	764.224.160	-
Công ty TNHH Hoàng Trang	760.104.423	1.096.883.357
SCANCOM	-	2.620.420.054
CTY CPSX TM VĨNH PHÚC	360.586.600	440.638.000
CTY TNHH MTV CƯỜNG PHÁT	788.766.825	-
CTY TNHH HOÀNG TÂM	-	435.322.389
CTY TNHH TỔNG HỢP QUỐC KHẢI	1.114.996.845	-
Cửa hàng Phúc Khôi	84.925.900	704.606.206
CTY TNHH HIẾU NAM	-	549.142.000
DNTN Lê Huy Huyền	607.741.208	-
Các Khách hàng khác	2.693.913.640	3.290.704.187
b. Công ty CP PT Hạ tầng PBC	153.002.462	41.866.564
Công ty TNHH Xây dựng Bảo Long	2.539.564	2.539.564
Cty TNHH XD TH Hà Thanh	39.327.000	39.327.000
Công ty CP Cấp thoát nước Bình Định	111.135.898	-
d. Công ty TNHH MTV Truyền Hình Cấp QN	2.380.716.962	1.989.841.337
Công ty TNHH THC Sài gòn tourist	1.618.903.462	1.020.278.337
Công ty TNHH TM DV Nội dung số	542.518.000	892.518.000
Khách hàng khác	219.295.500	77.045.000

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>31/03/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
e. Công ty TNHH Nguyên liệu giấy QN	9.530.838.308	7.139.618.305
DNTN Thanh Hải	691.854.661	386.030.042
XNKD DVTH Cảng Quy Nhơn	1.856.507.787	450.607.366
Công ty TNHH Cao Nguyên Lâm	1.235.566.000	-
Trương Công Tin		825.799.800
Nguyễn Ngọc Vinh		1.330.936.600
Đậu Thị Năng		932.700.700
Khách hàng khác	5.746.909.860	3.213.543.797
Cộng	<u>22.515.948.321</u>	<u>20.417.769.694</u>
15. Người mua trả trước tiền hàng ngắn hạn		
	<u>31/03/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
a. Tổng Công ty PISICO	123.560.387	5.387.140.681
Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn	-	4.782.330.624
KHÁCH HÀNG MIDAN GLOBAL	26.591.790	507.841.460
Khách hàng khác	96.968.597	96.968.597
b. Công ty CP PT Hạ tầng PBC	229.325	1.646.717
Cộng	<u>123.789.712</u>	<u>5.388.787.398</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/03/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.197.213.825	-	985.756.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	759.400.253	112.868.768	999.722.535
Thuế thu nhập cá nhân	121.578.051	58.436.833	-	71.270.931
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	33.600.000	-	-
Các loại thuế khác	-	57.508.878	-	488.603.517
Cộng	121.578.051	2.106.159.789	112.868.768	2.545.353.567

Chi tiết như sau:

	<u>Tại ngày 01/01/2021</u>	<u>Phải nộp trong kỳ</u>	<u>Đã nộp trong kỳ</u>	<u>Tại ngày 31/03/2021</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	985.756.584	5.440.841.073	5.229.383.832	1.197.213.825
Thuế GTGT hàng NK	-	175.793.898	175.793.898	-
Thuế xuất, nhập khẩu		1.007.807.905	1.007.807.905	-
Thuế thu nhập DN	886.853.767	872.269.021	999.722.535	759.400.253
- TCTy PISICO	556.354.787	497.328.915	556.354.787	497.328.915
- Cty TNHH Truyền Hình Cáp	(86.286.187)	229.692.142		143.405.955
- Cty CP PT Hạ Tầng PBC	443.367.748	-	443.367.748	-
- Cty Nguyên liệu giấy QN	(26.582.581)	145.247.964		118.665.383
Thuế môn bài	-	19.000.000	19.000.000	-
Thuế nhà đất, thuế đất	-	33.600.000	-	33.600.000
Thuế thu nhập cá nhân	71.270.931	294.127.975	428.540.124	(63.141.218)
Thuế khác	488.603.517	62.500.000	493.594.639	57.508.878
Cộng	2.432.484.799	7.905.939.872	8.353.842.933	1.984.581.738

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả

	31/03/2021	01/01/2021
Chi phí thuê bản quyền truyền hình	171.430.487	171.430.487
Lãi vay phải trả	22.832.638	35.737.217
Tiền lương, phép và tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	108.045.500	126.669.000
Các khoản chi phí khác	57.853.792	78.313.427
Phí hoa hồng môi giới	434.591.762	166.673.889
Tiền nước + Điện + thuê đất	50.026.588	13.288.134
Phí kiểm toán BCTC	143.409.091	443.409.091
Chi phí thuê cột điện	361.000.000	
Chi phí khai thác rừng & QLBV rừng	3.557.769.135	-
Thù lao HĐQT, thư ký và BKS không chuyên trách	-	69.000.000
Cộng	4.906.958.993	1.104.521.245

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2021	01/01/2021
Tiền bảo hành các hạng mục XD/CB	10.000.000	10.000.000
Tiền cọc cho thuê Văn phòng	113.000.000	113.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	86.752.413	-
Kinh phí công đoàn	844.165.667	839.647.607
CTY TNHH ĐT XD AV AN LỘC PHÁT	-	89.722.500
Phải trả cổ tức	1.025.546.450	17.262.450
Cty Nhuận bang (LN Phải trả)	58.634.180	58.634.180
Trợ cấp thôi việc + bảo hiểm xã hội phải trả	11.099.400	11.099.400
Phải trả Công Đoàn TCTy	283.091.847	319.091.847
Các khoản khác	(805.202.240)	12.958.944
Cộng	1.627.087.717	1.471.416.928

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tại ngày 01/01/2021	972.531.900
Trích từ lợi nhuận sau thuế	1.184.707.000
Thu khác	840.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	1.765.081.478
Tại ngày 31/03/2021	392.997.422

20. Doanh thu chưa thực hiện

	31/03/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn	3.994.841.997	4.952.483.265
Doanh thu cho thuê CSHT CCN Nhơn Bình	265.728.938	1.046.474.170
Doanh thu cho thuê CSHT CNN Canh Vinh và Cát Nhơn	2.849.202.937	2.757.995.971
Cho thuê Văn phòng làm việc	95.685.000	249.255.000
Doanh thu thuê bao Truyền hình cáp + Internet	784.225.122	898.758.124
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê đất (NLG)	-	-
b. Dài hạn	79.845.822.027	77.451.211.570
Doanh thu cho thuê CSHT CNN Canh Vinh và Cát Nhơn	78.037.153.339	76.017.404.413
Doanh thu cho thuê CSHT CCN Nhơn Bình	1.808.668.688	1.426.320.796
Doanh thu thuê bao Truyền hình cáp + Internet	-	7.486.361
Cộng	83.840.664.024	82.403.694.835

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu**Cơ cấu sở hữu**

Cổ đông	Tại ngày 31/03/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Công ty TNHH TM Ánh	96,83	266.270.000.000	96,83	266.270.000.000
Các cổ đông khác	3,17	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000
Cộng		275.000.000.000		275.000.000.000

Cổ phiếu

	31/03/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2020	275.000.000.000	-	19.949.896.479	12.703.335.540	43.659.351.658	351.312.583.677
Lợi nhuận năm 2020					27.839.706.788	27.839.706.788
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi					(2.256.897.016)	(2.256.897.016)
Chia lợi nhuận cho đối tác TH Cấp					(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Chia cổ tức					(27.500.000.000)	(27.500.000.000)
Các khoản tăng/giảm vốn CSH tại Cty liên kết					(4.519.581.635)	(4.519.581.635)
CL tỷ giá năm 2020			(4.049.218.868)			(4.049.218.868)
Tại ngày 31/12/2020	275.000.000.000	-	15.900.677.611	12.703.335.540	35.722.579.795	339.326.592.946
Lợi nhuận năm 2021					2.616.403.478	2.616.403.478
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi					(993.709.667)	(993.709.667)
Chia lợi nhuận cho đối tác TH Cấp					(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Tại ngày 31/03/2021	275.000.000.000	-	15.900.677.611	12.703.335.540	36.345.273.606	339.949.286.757



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Phát triển hạ tầng P.B.C	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy QN	Công ty CP PISICO ĐAKLAK	Tổng Cộng
Tại ngày 01/01/2020	7.524.332.414	18.619.323.305	-	26.143.655.719
Lợi nhuận trong năm 2020	1.736.341.431	1.188.473.700		2.924.815.131
Tăng/(giảm) lợi ích CĐKKS tương ứng các biến động khác trong VCSH	(150.846.500)	(1.189.514.012)		(1.340.360.512)
Vốn góp của CĐKKS		-	364.400.000	364.400.000
Tại ngày 31/12/2020	9.109.827.345	18.618.282.993	364.400.000	28.092.510.338
Lợi nhuận trong năm 2021	(143.988.720)	230.814.832		86.826.112
Tăng/(giảm) lợi ích CĐKKS tương ứng các biến động khác trong VCSH	(190.997.333)			(190.997.333)
Tại ngày 31/03/2021	8.774.841.292	18.849.097.825	364.400.000	27.988.339.117

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:

	31/03/2021	01/01/2021
a. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	203.154,61	203.293,17
EURO	262,95	262,95
b. Nợ khó đòi đã xử lý	6.640.552.239	6.640.552.239
Công ty CP XNK Bình Định (tại Văn phòng)	3.794.772.973	3.794.772.973
Cty CP CBLS Hưng Phú (tại Chi nhánh Tp.HCM)	1.828.896.666	1.828.896.666
Công nợ tại Công ty Nguyên Liệu Giấy	1.016.882.600	1.016.882.600

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2021 -> 31/03/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/03/2020
Tổng doanh thu	156.465.667.229	207.917.193.252
Các khoản giảm trừ		-
Doanh thu thuần	156.465.667.229	207.917.193.252
	Từ 01/01/2020 -> 31/12/2020	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019
Trong đó:		
Doanh thu sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	146.917.337.924	196.740.574.400
Doanh thu cho thuê và DV hạ tầng	1.807.098.644	2.878.832.523
Doanh thu DV Truyền Hình Cấp	7.741.230.661	8.297.786.329
Cộng	156.465.667.229	207.917.193.252

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2021 -> 31/03/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/03/2020
Giá vốn sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	132.769.821.896	177.059.553.096
Giá vốn cho thuê và DV hạ tầng	1.690.865.412	1.455.088.870
Giá vốn DV Truyền Hình Cấp	4.582.337.916	4.720.171.025
Cộng	139.043.025.224	183.234.812.991

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 -> 31/03/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/03/2020
Lãi tiền gửi, cho vay	961.809.788	1.523.993.664
Lãi chênh lệch tỷ giá	189.659.822	96.014.872
Cộng	1.151.469.610	1.620.008.536

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2021 -> 31/03/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/03/2020
Chi phí lãi vay	897.312.688	1.341.392.899
Lỗ chênh lệch tỷ giá	70.485.181	305.010.646
Lỗ CLTG đánh giá lại cuối kỳ	51.428.614	-
Lỗ từ hoạt động đầu tư ngoài DN	-	2.367.887.721
Cộng	1.019.226.483	4.014.291.266

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2021 -> 31/03/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/03/2020
Xử lý, thu hồi nợ	-	826.755.055
Thu nhập khác	294.027.165	151.571.962
Cộng	294.027.165	978.327.017

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2021 -> 31/03/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/03/2020
Xử lý nợ	-	-
Chi thù lao HĐQT	126.941.177	124.941.177
Các khoản chi phí khác	2.671.672	1.026.475.225
Cộng	129.612.849	1.151.416.402

7. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

	Từ 01/01/2021 -> 31/03/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/03/2020
Phần lãi / (lỗ) trong lợi nhuận sau thuế tính theo tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết:		
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	-	554.138.636
Cộng	-	554.138.636

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2021 -> 31/03/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/03/2020
Lợi nhuận trước thuế	3.654.327.335	6.187.433.643
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.105.826.016	1.304.116.326
Khoản lỗ tại các đơn vị thành viên không được bù trừ	776.091.146	979.139.455
Các khoản chi phí không được trừ	329.734.870	324.976.871
Các khoản điều chỉnh giảm	398.808.248	2.080.394.533
Cổ tức và phần lãi từ công ty liên kết	-	554.138.636
Các khoản khác	398.808.248	1.526.255.897
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	4.361.345.103	5.411.155.436
Thuế TNDN tính theo thuế suất	872.269.021	1.082.231.087
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	872.269.021	1.082.231.087

9. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát

	Từ 01/01/2021 -> 31/03/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/03/2020
Lợi nhuận sau thuế tính cho cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con:		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ phát triển hạ tầng P.B.C	(143.988.720)	369.931.301
- Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy QN	230.814.832	746.078.975
Cộng	86.826.112	1.116.010.276

10. Lãi cơ bản, Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2021 -> 31/03/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/03/2020
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	2.616.403.478	3.989.192.280
Các khoản điều chỉnh		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	2.616.403.478	3.989.192.280
Trích Quỹ khen thưởng, Phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	27.500.000	27.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	95	145

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2021 -> 31/03/2021	Từ 01/01/2020 -> 31/03/2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.931.183.822	60.728.355.878
Chi phí nhân công	12.509.399.330	7.900.277.907
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.755.954.370	3.905.377.549
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.564.439.815	29.612.353.244
Chi phí khác bằng tiền	5.671.316.745	5.595.382.737
Cộng	98.432.294.082	107.741.747.315

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Khấu hao tài sản cố định**

	Năm nay	Năm trước
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	2.866.827.641	2.983.009.829
Khấu hao tài sản cố định vô hình	97.340.383	100.715.383
Khấu hao bất động sản	791.786.346	821.652.337
Cộng	3.755.954.370	3.905.377.549

2. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	(961.809.788)	(1.523.993.664)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư ngoài doanh nghiệp	-	2.367.887.721
(Lãi)/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	(554.138.636)
Cộng	(961.809.788)	289.755.421

3. Tiền thu từ đi vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền vay ngân hàng	77.231.525.044	107.826.075.267
Cộng	77.231.525.044	107.826.075.267

4. Tiền chi trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền vay ngân hàng	(58.992.026.150)	(121.406.615.282)
Cộng	(58.992.026.150)	(121.406.615.282)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Tổng Công ty có các bộ phận kinh doanh chính phân chia theo các lĩnh vực, cụ thể như sau:

- Kinh doanh các sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp: bao gồm sản xuất chế biến, mua bán lâm sản, trồng rừng, các sản phẩm và sản phẩm dịch vụ liên quan đến rừng trồng;
- Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp và các dịch vụ đi kèm;
- Dịch vụ truyền hình cáp và các dịch vụ đi kèm;
- Đầu tư tài chính: Đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết và các doanh nghiệp khác có hoạt động kinh doanh phù hợp với hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp	Hạ tầng Cụm Công nghiệp	Truyền hình cáp	Đầu tư tài chính	Phần theo dõi và quản lý chung	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	146.917.337.924	1.807.098.644	7.741.230.661			156.465.667.229
Doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận từ công ty liên kết	110.065.810	61.281.973	863.452	0	979.258.375	1.151.469.610
Thu nhập khác	294.027.165	0	0			294.027.165
Tổng doanh thu và thu nhập khác	147.321.430.899	1.868.380.617	7.742.094.113	0	979.258.375	157.911.164.004
Giá vốn hàng bán	132.769.821.896	1.690.865.412	4.582.337.916			139.043.025.224
Chi phí bán hàng	8.015.906.007		391.677.335			8.407.583.342
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.609.351.857	524.308.696	1.458.016.579	65.711.639		5.657.388.771
Chi phí tài chính	572.840.453	0	91.701.573	0	354.684.457	1.019.226.483
Chi phí khác	112.612.849	17.000.000	0			129.612.849
Chi phí phân bổ trực tiếp của bộ phận	145.080.533.062	2.232.174.108	6.523.733.403	65.711.639		153.902.152.212
Chi phí được theo dõi chung của các bộ phận					354.684.457	354.684.457
Tổng chi phí	145.080.533.062	2.232.174.108	6.523.733.403	65.711.639	354.684.457	154.256.836.669
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	2.240.897.837	-363.793.491	1.218.360.710	-65.711.639	624.573.918	3.654.327.335
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	1.741.077.537	822.134.060	1.192.742.773			3.755.954.370
Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ	0	0	1.120.380.000			1.120.380.000
Tài sản phân bổ trực tiếp của bộ phận	138.671.796.469	144.242.580.489	24.722.593.312	162.920.664.624		470.557.634.894
Tài sản được theo dõi và quản lý chung					109.061.324.524	109.061.324.524
Tổng tài sản	138.671.796.469	144.242.580.489	24.722.593.312	162.920.664.624	109.061.324.524	579.618.959.418

2. Thông tin giao dịch với các bên liên quan

Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan

Quan hệ

Công ty TNHH TM Ánh Vy	Công ty mẹ
Công ty CP CNN Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Bidina Lào	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định	Công ty liên kết (gián tiếp)
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	Cùng chủ sở hữu

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty CP CNN Bình Định	Ứng vốn	-	4.277.000.000
	Lãi cho vay	91.904.621	81.236.290

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Chế biến gỗ nội thất Pisico	Bán hàng	-	1.502.348.386
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Bán hàng hoá	1.017.573.500	
	Mua hàng	-	54.025.432.550
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Doanh thu cho thuê VP	17.553.727	22.712.512
	Lãi ứng trước tiền hàng	229.191.780	275.493.150
	Thu hồi tiền ứng trước	-	
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	Lãi ứng trước tiền hàng	-	650.534.246
	Thu hoàn ứng trước	-	20.000.000.000
	Doanh thu cho thuê VP	42.261.469	22.712.512
	Doanh thu bán gỗ	-	3.032.243.079
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Mua vật tư trừ công nợ	535.853.500	-
	Cho vay	26.500.000.000	16.710.000.000
	Thu hồi nợ vay	20.000.000.000	-
	Lãi cho vay	572.246.680	471.994.559

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	31/03/2021	01/01/2021
Công ty CP CNN Bình Định	Phải thu về cho vay	5.734.220.000	5.734.220.000
	Phải thu khác ngắn hạn	1.251.566.417	1.159.661.796
Công ty CP Chế biến gỗ nội thất Pisico	Phải thu khác ngắn hạn	-	3.151.050.000
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Phải thu khách hàng	473.737.952	4.204.720.346
	Phải thu khác ngắn hạn	-	2.029.032.000
	Phải thu khách hàng	806.081.676	827.438.481
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Ứng trước cho người bán	14.300.000.000	14.300.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	2.402.702.737	2.173.510.957
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	Phải thu khác ngắn hạn	3.590.760.273	3.590.760.273
	Phải thu khách hàng	5.857.090.013	6.662.872.502
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Phải thu về cho vay	40.130.780.000	33.630.780.000
	Phải thu khác ngắn hạn	2.719.176.665	2.146.929.985
	Cổ tức phải trả	-	-
Công ty TNHH SX Dăm gỗ Bình Định	Phải thu khách hàng	7.015.548.540	-

Bình Định, ngày 29 tháng 04 năm 2021



Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc